

Số phiếu: 0952/2026/DV



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM
2. Địa chỉ : Lô số 34-6 đường D11, KCN Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh
3. Mục tiêu yêu cầu : Kiểm tra chất lượng môi trường Công ty TNHH Brotex Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 19/06/2026
5. Ngày nhận mẫu : 19/06/2026
6. Ngày trả kết quả KH : 30/06/2026
7. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2367-2606	NT02	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X=1233362; Y= 589928
2	2368-2606	KT01	Khí thải tại ống khói số 1. Tọa độ: X = 1233068; Y = 590215
3	2369-2606	KT02	Khí thải tại ống khói số 2. Tọa độ: X= 1233062; Y= 590189

8. Kết quả thử nghiệm : (Mã hóa mẫu: 2367-2606 - 2369-2606)

Bảng 1:

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
				NT02	Cột A	Cột B
1	pH ^{(1),(2),(4)}	-	TCVN 6492:2011	7,5	6 ÷ 9	5,5 ÷ 9
2	Độ màu ^{(1),(2)}	Pt/Co	TCVN 6185(C):2015	12	50	150
3	Nhiệt độ ^{(1),(2),(4)}	°C	SMEW 2550B:2023	32,3	40	40
4	Chất rắn lơ lửng ^{(1),(2)}	mg/L	SMEWW 2540D:2023	6	50	100
5	COD ^{(1),(2)}	mg/L	SMEWW 5520C:2023	17	75	150
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N ^{(1),(2)}	mg/L	TCVN 5988:1995	0,68	5	10

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận hiện trường của TT.KTTN & MT lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải, nước (BOD₅, Dầu mỡ), đất và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày hẹn trả KQ khách hàng.
4. Hết thời gian lưu mẫu TT.KTTN & MT không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 040
VLAT-1.0175

Địa chỉ: Số 606 đường 30/4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh
Tel: 0276.3922.120 Email: ttktnmt@tayninh.gov.vn

PKQ(26.0952)

Bảng 2:

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19: 2009/BTNMT	
				KT01	KT02	Cột A	Cột B
1	Lưu lượng ^{(1),(2),(4)}	m ³ /h	US EPA 02	50268	24085	-	-
2	Nhiệt độ ^{(1),(2),(4)}	°C	QTC-QT12	82,0	113,7	-	-
3	Hàm lượng ôxy ^{(1),(2),(4)}	%	PP.HT.18	18,57	15,71	-	-
4	Cacbon oxit, CO ^{(1),(2),(4)}	mg/Nm ³	PP.HT.18	26,6	2,28	-	1.000
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^{(1),(2),(4)}	mg/Nm ³	PP.HT.18	2,62	6,11	-	500
6	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂) ^{(1),(2),(4)}	mg/Nm ³	PP.HT.18	18,86	57,81	-	850

Chú thích:

- (1)- Thông số được Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng công nhận;
(2)- Thông số được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường;
(4)- Thông số đo tại hiện trường;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

Tây Ninh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TP. QUAN TRẮC THỬ NGHIỆM
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thái Hiếu



Lâm Văn Xinh



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận hiện trường của TT.KTTN & MT lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải, nước (BODs, Dầu mỡ), đất và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày hẹn trả KQ khách hàng.
4. Hết thời gian lưu mẫu TT.KTTN & MT không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng